

SỐ 1592

LUẬN NHIẾP ĐẠI THỪA

Tác Giả: A-tăng-già

Dịch Phạn-Hán: Đời Hậu Ngụy, Lạc Dương,

Phật-đà-phiến-đà

QUYỂN THƯỢNG

Trong Kinh Đại Thừa A-tỳ-đàm, đối trước Như Lai vì muốn làm sáng tỏ nghĩa lý của Đại thừa, Bồ-tát Thiện Trụ nói: “Đó gọi là nương vào Kinh của Đại thừa, để thuyết minh chư Phật Như Lai có mười loại ngôn ngữ thù thắng nói về mười loại thắng diệu. Những gì là mười?”

1. Trí y thắng diệu thắng ngữ. (Lời nói thù thắng vi diệu về chỗ nương tựa của trí).

2. Trí tướng thắng diệu thắng ngữ. (Lời nói thù thắng vi diệu về tướng của trí).

3. Nhập trí tướng thắng diệu thắng ngữ. (Lời nói thù thắng vi diệu về hội nhập tướng của trí).

4. Nhập bỉ nhân quả thắng diệu thắng ngữ. (Lời nói thù thắng vi diệu về hội nhập nhân quả của Bồ-tát).

5. Nhập bỉ tu nhân quả thắng diệu thắng ngữ. (Lời nói thù thắng vi diệu về hội nhập tu nhân quả của Bồ-tát).

6. Hoàn bỉ hạnh trung sai biệt tăng thượng giới thắng diệu thắng ngữ. (Lời nói thù thắng vi diệu về sự trở lại nhân quả, tu hành sai biệt với tăng thượng giới).

7. Tăng thượng tâm thắng diệu thắng ngữ. (Lời nói thù thắng vi diệu về tăng thượng tâm).

8. Tăng thượng tuệ thắng diệu thắng ngữ. (Lời nói thù thắng vi

diệu về tăng thượng tuệ).

9. Diệt trừ thắng diệu thắng ngữ. (Lời nói thù thắng vi diệu về quả diệt trừ).

10. Trí thắng diệu thắng ngữ. (Lời nói thù thắng vi diệu về quả trí).

Như vậy câu kinh này làm sáng tỏ lên, nói Đại thừa là Phật thuyết. Thế nào là làm sáng tỏ lên? Như vậy trong đây nói, thì Kinh của Tiểu thừa không có nói mười câu này, chỉ có trong Đại thừa nói rõ.

Như nói: A-lê-da thức đó là lời nói thù thắng vi diệu về chỗ nương tựa của trí. Như nói, Duy thức nói có ba loại tánh: 1. Tha tánh. 2. Vọng phân biệt tánh. 3. Thành tựu tánh. Đó là dùng lời nói thù thắng vi diệu về tướng của trí. Lời nói thù thắng vi diệu về hội nhập tướng của trí là nói sáu Ba-la-mật. Lời nói thù thắng vi diệu về hội nhập nhân quả là nói mười địa của Bồ-tát. Lời nói thù thắng vi diệu về Bồ-tát trở lại nhân quả tu hành sai biệt trong nhân quả với tăng thượng giới là nói thọ Bồ-tát giới. Lời nói thù thắng vi diệu về tăng thượng tâm là nói các các Tam muội Thủ Lăng Nghiêm, Hư không v.v... Lời nói thù thắng vi diệu về tăng thượng tuệ là nói Vô phân biệt trí. Lời nói thù thắng vi diệu về quả diệt trừ là nói Vô trí. Niết-bàn. Bởi nói thù thắng vi diệu về quả trí là nói ba loại thân Phật: Chân thân, Báo thân và Ứng thân.

Như vậy, mười loại nói này không phải giáo lý của Tiểu thừa, mà chỉ có trong Đại thừa được nói rõ, nhấn mạnh và phát triển đến mức thù thắng. Do đó Đức Như Lai dựa vào mười loại này vì các Bồ-tát mà thuyết. Do nghĩa đó, nương vào giáo nghĩa của Đại thừa. Phải biết Chư Phật Như Lai nói có mười thứ ngôn ngữ thù thắng nói về tướng thắng diệu. Tại sao lại mười tướng thắng diệu này là ngữ ngữ thù thắng của Như Lai? Để hiển rõ Đại thừa là lời Phật thuyết, và ngăn trách Tiểu thừa là chẳng phải Đại thừa, là vì mười loại cú nghĩa này không có nói trong Kinh của Tiểu thừa, còn Đại thừa thì có nói. Và mười cú nghĩa này có thể khiến cho đắc Đại Bồ-đề, khéo thừa nhận không trái nghịch, là vì đắc trí Nhất thiết trí. Trong đây Kệ nói:

*Kia dựa Trí tướng, Y (Trí y và Trí tướng)
 Nhân kia và quả kia,
 Ba cõi kia sai biệt,
 Quả kia đến trừ diệt,
 Trí đến thượng diệu thừa
 Đến nơi thắng tấn tu.
 Thuyết đâu chỗ khác không hề có*

*Kiến này, Thắng Nhân thượng Bồ-đề,
Là lời Phật nói trong Đại thừa,
Mười câu nói thù thắng trong Kinh này.*

Vì có nghĩa gì mà mười câu này lần lượt nói như vậy? Vì Bồ-tát từ sơ học rồi trước phải nương nhân quả của các pháp, phải đối với nhân duyên để thành tựu phương tiện khéo léo (thiện xảo), và có tương ứng trong các pháp duyên sinh thì hạnh “thiện xảo” mới thành tựu xả ly. Vì hạnh “thiện xảo” rộng khắp, an định lại sự hủy báng chánh pháp, lại vì khéo học như vậy nên Bồ-tát khéo léo trong việc nhận lấy tướng, phải khiến cho chứng học. Do đó, khiến cho tâm được giải thoát khỏi mọi chướng. Sau đó nhập trí tướng xong thì, trong hạnh tu hành trước phải khiến cho tu đắc sáu Ba-la-mật, thân thanh tịnh đã sâu, là vì chỗ nhiếp của tâm tịnh, sáu Ba-la-mật trong mười địa phân riêng tu hành ba A-tăng-kỳ kiếp, sau đó khiến cho viên mãn ba loại Bồ-tát giới. Đã viên mãn rồi, thì khiến cho chứng quả Niết-bàn và chứng A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Đây là mười câu lần lượt nói. Nhưng trong thuyết này đều tóm lược hết tất cả Đại thừa. Trong đây phần đầu là lời nói thù thắng vi diệu về chỗ nương tựa của trí, Như Lai trong Kinh nói: “Là A-lê-da Thức”. Vì có lời nói về A-lê-da thức, nên tạo ngôn thuyết của A-lê-da thức”. Trong kệ của Kinh A-tỳ-đàm Đức Như Lai nói:

*“Tánh vô thủy đến nay,
Chỗ nương của các pháp,
Có các đạo sai biệt,
Và khiến đắc Niết-bàn”.
Trở lại, điều kinh kia đã nói:
“Nhà của tất cả pháp,
Là Nhất thiết chủng thức,
Nên nói là nhà Thức,
Bậc thông minh nương theo”.*

Đây là chứng cứ của Kinh, nhưng tại sao gọi là A-lê-da Thức? Vì có sinh pháp, nương thức đó mà tất cả pháp nhiễm được tạo thành quả. Đối với Thức kia cũng nương vào các thức để tạo nhân, nên nói là A-lê-da Thức. Hoặc chúng sinh nương vào thức kia làm ngã, cho nên gọi là A-lê-da Thức, cũng gọi là A-đà-na Thức. Trong đây có chứng cứ gì? Như trong Kinh Tương tục Giải thoát nói:

*“A-đà-na Thức rất thâm sâu,
Dụ như sóng nước, với các ông!
Ta không vì phàm nói pháp này,*

Chớ chấp thức đó cho là ngã”!

Thức kia lấy nghĩa gì mà gọi là A-đà-na Thức? Nướng vào tất cả sắc căn, và lấy tất cả sự nướng tựa thân. Như vậy thức kia nướng vào sắc căn v.v... khiến cho chẳng hoại cho đến thân mạng chẳng dứt, tùy thuận nên đời vị lai thọ lấy thân, thức kia có thể sinh bám giữ thân. Do đó thức kia gọi là A-đà-na thức. Cũng gọi là tâm Như Phật đã nói tâm, ý, thức cũng vậy. Trong đây ý có hai thứ nướng tựa:

1. Nướng vào sự tạo tác duyên gần.
2. Nướng vào thức diệt gần.

Ý thứ nhất là làm sinh nhân, cho ý thức, ý thứ hai thì xen tạp bốn thứ phiền não, thường cùng chung với thân kiến, ngã mạn, ái thân và vô minh, chúng là đối tượng nhiễm được sinh của sự nướng vào thức. Nếu cho là một thức do thân sinh ra, thì ý thứ hai là nghĩa thức đối cảnh giới nhiễm. Vì nghĩa thức nên chọn nghĩa gần và không phân biệt nghĩa nên nói hai ý.

Trong đây có kệ nói:

*Tạp nhiễm chướng vô minh,
 Đồng pháp và năm thức,
 Tam-muội hoặc thắng sự,
 Trong thuyết, phải thành hoạn.
 Vô tướng mà khởi ngã,
 Sinh thuận hành vô cùng,
 Gần thuận khởi ngã tướng,
 Tất cả là không thành.
 Lìa nhiễm không việc tâm,
 Hai, ba thì trái nhau,
 Kia không có các xứ,
 Chấp thành nghĩa của ngã....
 Vì tâm thuận chánh nghĩa,
 Thường thuận không trái nhau,
 Tất cả là đồng hành,
 Nói vô minh không lìa.*

Tâm và thân lìa A-lê-da thức là chỗ khác không có. Do nghĩa đó, giải thích thành A-lê-da thức là sự của tâm tùy chủng tử hiện hành. Ý và Ý thức lấy nghĩa gì? Là nói các pháp của tâm, là nghĩa tụ họp của việc huân tập chủng tử. Phật vì nghĩa gì mà nói trong Kinh của Tiểu thừa là tâm, không nói là A-lê-da thức và A-đà-na thức? Là nghĩa nhiếp thu trí tuệ sâu xa và vi tế. Các Thanh-văn kia không tu học hành theo trí của

bậc Nhất thiết trí, cho nên trong đó nghe giải thích là trí, lại giải thích thành giải thoát mà không nói là trí. Các Bồ-tát vì tu hành theo trí của bậc Nhất thiết trí, nên vì họ mà nói thức này. Nếu không nói nghĩa là lia thức đó, thì không hiểu hành theo trí của bậc Nhất thiết trí thế nào.

Nhưng lại có tên khác, Kinh Tiểu thừa nói về thức đó, như trong Tăng Nhất A-hàm nói: Hỷ lạc A-lê-da của thế gian và chấp A-lê-da, chỗ hình thành của A-lê-da, gồm cả câu A-lê-da, diệt A-lê-da. Khi thuyết pháp, thân cận nghe kỹ khởi tâm tùy thuận, thừa nhận nắm lấy pháp và pháp tiếp theo. Khi Như Lai xuất thế gian, thì thế gian nói đây là pháp hiếm có, như trong Kinh Xuất Tư Ích đức Như Lai đã nói: Vì nghĩa này mà các Kinh của Tiểu thừa cũng có nói nhưng khác tên. Nói A-lê-da thức này, trong Kinh Đại Tăng-kỳ, Tăng Nhất A-hàm cũng nói đó là căn bản, như cây nương vào gốc rễ mà trụ, trong Di-sa-tặc Tăng cũng nói, cho đến ấm của thế gian không đoạn, các tên gọi tuy khác nhau nhưng cũng là nói thức đó. Hoặc có sắc trong thời tiết và tâm trong khi đoạn, nhưng không phải A-lê-da thức có nghĩa đoạn, vì đó là chủng tử. Vì thế cho nên từ nghĩa là chỗ nương tựa của trí, sự của A-đà-na thức, sự của tâm, sự của A-lê-da, sự của căn bản thức, cho đến sự ấm của thế gian, tất cả nghĩa hiện có đây đều là nói A-lê-da thức kia, khiến cho nghĩa càng rộng hơn và rõ ràng hơn, như con đường lớn của vua đi.

Ngoài ra còn có người nói: Tâm, ý, thức chỉ có một nghĩa mà tên thì khác nhau. Nhưng nói như đây không thành. Vì nghĩa trong ý và thức đã có thấy khác nhau. Tâm phóng dật cũng phải có nghĩa khác làm thành.

Có người khác nói: Trong A-hàm Đức Như Lai nói: Hỷ, lạc A-lê-da thế gian... các câu, nghĩa như vậy là nói ngũ ấm là A-lê-da. Hoặc còn nói: Đồng với lạc thọ của tham v.v... là A-lê-da thức. Hoặc nói thân kiến là A-lê-da.

Tất cả kiến giải đây đều còn si mê về A-lê-da thức. Hoặc do nghe và giải thích mà nói, nương vào phân biệt an lập của Kinh giáo Tiểu thừa như vậy. Nhưng đối với thức kia thì sự phân biệt an lập này không thành, bởi từ sự ngu si kia đã phân biệt như vậy rồi, thì A-lê-da thức vẫn đặt tên A-lai-da, lại còn tốt hơn thành các thuyết sai biệt như vậy.

Thế nào là càng tốt hơn? Như năm ấm, đối với sinh xứ của ác đạo hoàn toàn thọ khổ thành chán ngán. Vì luôn chán ngán sự khổ nên chán ngán sự vui không thành. Như thế, nếu cho A-lê-da thức là năm ấm, thì người kia thường cầu chán lia khổ, tức đồng với người tham lạc (vui). Hơn nữa, từ bốn thiền trở lên thì không thành chán lia, vậy là sự y

chỉ trong chúng sinh không thành. Nếu nói A-lê-da thức cũng đồng như thân kiến sự chán lìa của người tin vô ngã cũng được thành trong thức này, do đó sự y chỉ không thành đây cũng là kia. Nhưng A-lê-da thức cho đến thừa nhận trong thân thọ lãnh hoàn toàn chỗ phát sanh khổ và khổ ấm cùng cầu giải thoát thì trong A-lê-da thức đều là tướng của tự thân và sự giải thoát không nên có từ cõi thiên thứ tư, cho đến người sinh cõi trên. Vì đây tuy có đồng sự chán lìa tham lạc, nhưng A-lê-da thức khởi ác v.v... tướng ngã. Như vậy những người đồng pháp tin vô ngã, tuy có chán lìa thân kiến nhưng đối với A-lê-da thức lại tạo thành ái tướng tự thân. Như vậy, phân biệt A-lê-da thức rồi chuyển thành trí sáng suốt, thù thắng là A-lê-da, nói giả danh và danh khác để phân biệt sự lập.

Tuy nhiên, sự tướng phân biệt của Thức này làm sao biết được? Tóm lược có ba thứ:

1. Tự tướng sai biệt xứ.
2. Nhân sự sai biệt tướng.
3. Quả sai biệt tướng.

Nghĩa tự tướng của A-lê-da thức, là cả cứ vào chỗ huân tập tất cả pháp nhiễm tịnh v.v... có nghĩa thù thắng giữ chủng tử của việc sanh ra tướng nhân. Nghĩa nhân sự sai biệt là trở lại làm nhân ở trong các pháp nhiễm kia... Tất cả chủng tử như vậy của lúc nào việc tạo nhân sinh ra các pháp nhiễm đều hiện thành. Nghĩa quả sai biệt là trong A-lê-da thức, là chỗ nương tựa của các pháp nhiễm hiện hữu từ vô thủy đến nay huân tập sinh ra sự quả.

Thế nào là tập mà lấy đặt tên tập, huân tập này nói lên nghĩa gì? Nương vào pháp nhiễm kia đồng sinh diệt, sự tướng của pháp nhiễm kia sinh hiện hữu. Đây là nói như hoa ướp với mê. Hoặc với mê đồng sinh đồng diệt nên sinh ra sự nhân là hương thơm của mê. Hoặc người nhiều tham dục thì có huân tập tham, có tâm sinh diệt đồng với tham, sân v.v... là tướng tự nhân sinh ra. Hoặc người nghe nhiều thì có sự huân tập nghe nhiều, sự nhớ nghĩ của việc nghe đó đồng sinh diệt trong tâm; sự nói của người kia là tướng của nhân sinh ra. Vì có nghĩa huân tập này nên nói người này là pháp khí, là duy trì chánh pháp. Đạo lý huân tập trong A-lê-da thức cũng như vậy.

Thế nào là chủng tử các pháp nhiễm v.v... trong A-lê-da thức, là làm phân biệt trụ hay là không phân biệt? Chủng tử kia không phải phân biệt như vật, nhưng trụ xứ của nó không phải là không phân biệt. rõ ràng như vậy A-lê-da thức kia chủng tử của nó sinh ra lực thù thắng,

nên gọi là tất cả chủng tử.

Tại sao A-lê-da thức đó và các pháp nhiệm đồng thời làm sự nhân lẫn nhau? Đó ví như ngọn đèn và tim đèn, đốt cháy lẫn nhau đồng thời làm nhân lẫn nhau, và như bó lau người dựng nường dựa vào nhau đồng thời không ngã xuống đất, thức này cũng vậy, lẫn nhau làm nhân, phải biết cũng như các pháp nhiệm của A-lê-da thức làm nhân, các pháp nhiệm ô cùng với A-lê-da thức, làm sự của nhân duyên sai biệt như vậy, không thấy có nhân duyên nào khác.

Tại sao các thứ huân tập của vô phân biệt lại thành nhân cho các pháp có phân biệt? Đó tức như các thứ màu nhuộm và áo, đã không thấy các thứ màu sắc trên áo, nếu đem áo đó ngâm vào vật nhuộm, lúc đó mới thấy các thứ màu sắc sai biệt, không phải là một khí vật. Như vậy, khi A-lê-da thức chủng chủng huân tập và huân tập, dù không phải các thứ, nhưng có thể khi sinh quả thì đã hưởng đến màu sắc và vật dụng, vô lượng chủng chủng tướng hiển hiện mọi sự của các pháp.

Duyên khởi nói trên đây là nhân duyên rất vi tế trong Đại thừa. Nhân duyên có hai thứ:

1. Sai biệt về tánh.
2. Sai biệt về quả ái và không ái (không yêu thích).

Trong đây sở dĩ có căn cứ vào A-lê-da thức này sinh các pháp, là chủng chủng tánh của tánh sai biệt và phân biệt hiện duyên là vì có hai hạng người mê mờ nhân duyên A-lê-da thức, người ngu mê nhân duyên thứ nhất (sai biệt về tánh), cho tự tánh là nguyên nhân, cho tạo tác xưa kia là nguyên nhân, cho Tự tại ứng hóa là nguyên nhân, cho tự thân là ngã là nguyên nhân, hoặc cho rằng không có nguyên nhân. Người nhân thứ hai thì so đo tính toán chấp trở lại tự thân làm tác giả, thực giả. Ví như người mù bẩm sinh chưa từng thấy voi, có người bảo họ sờ voi đến dạy sờ voi cho biết. Những người mù bẩm sinh này, hoặc có người sờ vòi voi, hoặc ngà, hoặc tai, hoặc chân, hoặc đuôi, hoặc lưng. Người kia hỏi họ voi có tướng gì? Có người hoặc nói giống như gọng xe, hoặc nói giống như cái chày, hoặc nói giống như cái ky, hoặc nói giống như cối đá, hoặc nói giống như cái chổi, hoặc nói giống như hòn đá núi. Như vậy không người thông đạt, không biết hai thứ nhân duyên này, bị vô minh che lấp, giống như người mù. Hoặc vọng chấp tánh, tạo tác của đời trước, đây Tự tại, tự thân là nhân, hoặc vô nhân, hoặc chấp làm tác giả, thực giả. A-lê-da thức như con voi, chấp tự thể của tánh tướng là không thể biết.

Lược nói sự nhân của A-lê-da thức và tánh tất cả chủng tử của báo

thức nơi sự quả đã xong. Do đó, trong ba cõi thâm nhiếp tất cả thân và tất cả đạo, (nèo thiện, ác) cho nên nói năm bài Kệ:

*Trong, ngoài không phân minh,
Mà nói sự thuận nhau,
Tất cả chân thật kia,
Nói là sáu chủng tử.
Không, và đồng các đại,
Kia cũng nói tùy thuận,
Định mà quên các duyên,
Và dẫn đến tự quả.
Là kiến nhưng vô ký,
Hoặc thuận kia không khác
Huân kia không phải khác,
Nhưng kia là tướng tập.
Sáu không có nghĩa thuận,
Hai thì riêng trái nhau,
Các niệm không đồng nhau
Sinh các tùy thuận khác.
Các chủng tử trong ngoài,
Kia nói là sinh nhân,
Không tương tục, thủ tận,
Mà tự nhiên hoại khắp.*

Cả thấy sáu thức tùy thuận chuyển, là tất cả thân và chỗ thọ quả báo của thức đó. Phải biết như Trung Biên Phân Biệt.

Luận nói:

*Một là thức nhập duyên,
Hai là (thức) thọ quả báo,
Phân biệt thọ báo ấy,
Đồng phát tâm cũng vậy.*

Các thức đó làm duyên lẫn nhau. Kinh Đại thừa A-tỳ-đàm có nói Kệ:

*Tất cả các pháp nương,
Như vậy các thức kia,
Lẫn nhau làm tất cả,
Quả sự và nhân sự.*

Nếu các thức này lẫn nhau làm nhân duyên quả thì tức là nhân duyên thứ nhất còn nhân duyên thứ hai có duyên gì? Là Tăng thượng duyên. Nhưng sáu thức này có mấy duyên sinh? Tăng thượng duyên,

Niệm duyên và Thứ đệ duyên sinh. Ngoài ba duyên này, thế gian là ái và không ái và thọ quả báo là bốn duyên mà thành.

Qua phân biệt để thuyết minh giả danh và tướng A-lê-da thức này, lại làm sao biết được chỉ có A-lê-da thức đó là nương theo giả danh mà nói và tướng như vậy, mà không phải sáu thức thuận chuyển. Vì trong đó tách rời (ttung gián) sai biệt như vậy là để xác lập A-lê-da thức. Vì thế, cho nên ngoài A-lê-da thức, thì không thành sự nhiễm tịnh. Sự phiền não và sự nghiệp sinh ra, sự nhiễm ô không thành, sự của thế gian và xuất thế gian tịnh không thành.

Tại sao sự nhiễm ô phiền não không thành? Là vì sự huân tập chủng tử của phiền não nhiễm, tác sự không thành như vậy, trong thân sáu thức. Nhãn thức, tham, phiền não sử kia đồng sinh diệt với nhau, nhãn thức được tham phiền não sử huân tập thành chủng tử, như vậy khi nhãn thức diệt mất, các thức khác xen vào thì sự huân tập và chỗ dựa huân tập đều không thể có được. Nghĩa là đã không có nhãn thức, vì trước diệt rồi cảnh của nhãn trung gian đồng với tham, sự phiền não... sinh không có, do đó quá khứ không thành, như quả báo của nghiệp quá khứ sinh khởi. Nhưng giả sử nhãn thức đã có tham... kia đồng sinh thì sự huân tập cũng không thành. Vì chỗ nương của tham... kia và tham không kiên cố, cũng không phải ở các thức khác vì thể riêng của các thức khác (căn sở y). Lại không có quyết định đồng thời sinh diệt, với các thức, lại cũng không phải tự tánh, bởi các tánh khác có thể có đồng sinh diệt. Vì như vậy, cho nên không phải nhãn thức, tham, phiền não và sử huân tập thành, và cũng không phải thức và sở huân của thức. Nói nhãn thức như vậy thì sáu thức thuận chuyển cũng tùy thuận giải thích. Phải biết như Trời Phi tướng trở lên chết rồi sinh cõi này thì phiền não nhiễm, cái thức đầu tiên sinh thì thức đó cũng không có chủng tử sinh khởi đồng y chỉ, vì thức kia huân tập đã là quá khứ không còn.

Hoặc vì sinh thức đối trị của phiền não, khi tất cả thức thế gian đã diệt hết, nếu trong đó tách rời phiền não và sử chủng tử của A-lê-da thức để trong thức đối trị, thì sẽ không thành đối với các phiền não, vì tánh của thức đối trị là giải thoát không đồng sinh diệt với phiền não. Sau đó, thức thế gian sinh lại, vì diệt đã lâu, không đồng nương vào huân tập kia thì sinh lại đây, lẽ ra phải lìa chủng tử để sinh, tách rời A-lê-da thức. Thế cho nên tách rời A-lê-da thức thì không thành.

Tại sao nghiệp nhiễm không thành? Vì nghĩa hành duyên thức không thuận. Nếu A-lê-da do thức kia không có thì thủ duyên hữu, cũng không thuận.

Tại sao sinh nhiễm không thành? Vì nghĩa thọ lấy các thân đời sau không thuận. Do không nhập trong định địa khi chết rồi thì ở tại trung ấm, niệm tạp nhiễm ý thức nắm lấy thân đời sau. Nhưng ý thức tạp nhiễm trong thân trung ấm kia đã diệt mất, thì thức kia thọ lấy Ca-la-la gói trong bụng mẹ. Nếu chỉ có ý thức nường gói, khi gói xong thì thức kia nường vào lực, trong bụng mẹ phải có nường vào thức hành, vì hai thứ ý thức từ thai mẹ phải có. Vì đồng có cho nên không phải chỗ nường gói ý thức của thức kia, sự của ý thức được thành. Trên lấy tạp nhiễm thân và tùy thuận niệm của ý thức, tuy có thân tạp nhiễm kia, nhưng ý thức nường gá đã thôi nường gá ý thức. Ý thức kia là tất cả chủng tử, vì đang tùy theo thân tạp nhiễm kia mà nường vào để vận hành. Nếu tùy chỗ nường gá của thân tạp nhiễm kia thì ý thức kia là tất cả chủng tử, cho nên chỉ có A-lê-da thức là giả danh sai biệt thì đặt thành nường vào thức như thế! Nhưng nếu nường vào thức đó làm tất cả chủng tử thì thức đó lấy gì để nường sự làm nhân cho thức? Thức đó không phải tất cả chủng tử. Nếu sở y làm sự quả, thì nghĩa tất cả chủng tử kia không thành. Do đó giải thích này trở thành: thức nường gá thân tạp nhiễm kia không phải ý thức, mà là “Báo thức.” Là tất cả chủng tử thức. Thọ lấy thân đời sau để nhận lấy các sắc căn khác, thế nào là Báo thức nhận lấy mà không thể có ý và ý thức nêu trên? Vì nhân không kiên cố, thức kia và các thức khác thọ lấy sắc căn, không gì không là sắc để được thành, thức và sắc diệt ấy nường tựa lẫn nhau như nghĩa thuận của bố lau mà đứng được, nên cũng không thành.

Nếu tách rời “Báo thức”, thì nghĩa của sự thức sinh ra các đại và chúng sinh trong ba cõi, thì không từng thấy. Vì sao? Vì sáu thức này diệt thì đại và chúng sinh cũng sẽ diệt theo. Thế cho nên, các sự thức Thực không thành nếu tách rời A-lê-da thức.

Tuy nhập sinh định, nhưng vì tạp nhiễm mà không nhập định, ý thức thọ lấy thân đời sau, nhưng thức kia không nhập định tâm, tạp nhiễm trong địa kia, nếu tách rời Báo thức để có chủng tử thì không thành. Nhưng sinh trong cõi Vô sắc, nếu tách rời tất cả chủng tử, báo thức thì cái tâm tạp nhiễm, thiện căn, hiểu biết của cõi ấy là không có chủng tử và không có chỗ nường tựa để được đắc tâm tạp nhiễm thiện căn.

Lại ngay cõi Vô sắc kia hiển hiện tâm xuất thế gian, thì các tâm thế gian khác lui mất, hành kia đáng lẽ được sinh trở lại phi hữu tướng phi vô tướng, và khi tâm xuất thế gian hiện tiền ở Bất dung xứ (vô sở hữu xứ) thì đáng lẽ được trở lại hai nẻo kia. Phi biết vì tâm xuất thế gian

không lấy Phi hữu tướng, phi vô tướng làm chỗ, cho đến Phi hữu dụng xứ cũng như Niết-bàn làm chỗ dựa, mà chỉ dựa vào Báo thức, Nhất thiết chủng tử thức vậy.

Lại nữa khi sắp bỏ thân mạng (chết), do nghiệp thiện, bất thiện đã làm, mà các thân xác này chết dần từ trên xuống dưới, hoặc dưới lên trên hủy diệt dữ dội, hoặc nhẹ nhàng mát mẻ, nếu tách rời A-lê-da thức thì sự kiện này không thành, cho đến sự sinh ra tạp nhiễm cũng không thành.

Vì sao sự tịnh của thế gian không thành? Như vậy, người lia các dục, chưa được tâm cõi Sắc, chỉ được tâm thiện cõi Dục. Đối với cõi Dục sinh tâm chán lia, nhưng là tâm trong cõi Dục, sau đó dụng hành tâm cõi Sắc là không cùng đồng sinh diệt, cõi Dục không huân thì chủng tử cõi sắc không thành, không phải tâm của cõi Sắc. Lại tâm cõi sắc từ vô lượng đời của quá khứ bị xen cách, tâm kia nhập định làm chủng tử thì không thành. Đã không có tâm kia tức giải thích thành tâm kia nhập định và tâm cõi sắc hiện có đó là do Báo thức, Nhất thiết chủng tử thức vốn có từ lâu xoay chuyển lại, sau làm nhân duyên, còn việc khéo thức hành tu tập ngày nay là tăng thượng duyên của tâm kia. Như vậy tất cả chán lia hành trong địa tùy thuận như nghĩa phải biết. Như vậy tách rời Nhất thiết chủng tử thức, Báo thức thì sự tịnh thế gian không thành.

Vì sao sự thanh tịnh của xuất thế gian không thành? Như Phật đã dạy: “Bên ngoài nghe thanh âm của người khác để tâm suy lường trong tịch tĩnh, nhờ việc đó nên được sinh chánh kiến. Vậy cái ý nghĩ về tiếng được nghe ấy được huân vào nhĩ thức, hoặc huân vào ý thức, hoặc huân vào cả hai? Khi các pháp kia được nhớ nghĩ tư duy vắng lặng, thì nhĩ thức lúc đó không vận hành, ý thức cũng bị xen tạp bởi các thức khác. Nếu khi hành ý niệm tư duy tịch tĩnh sinh, thì ý thức được sự nghe huân tập do không thường hằng nên đã diệt từ lâu, sự đồng thời huân tập đã trở thành quá khứ thì chỗ nào lại làm chủng tử để sinh lại tâm suy lường vắng lặng, hiện hành sau này? Vả lại, sự suy lường vắng lặng tu hành là tâm thế gian, chánh kiến đồng thuận tâm xuất thế gian. Hoặc có khi tâm thế gian đồng sinh diệt, với tâm thế gian thì tâm xuất thế gian không huân tập. Vì không huân tập cho nên chủng tử kia không thành. Do đó tâm thanh tịnh xuất thế gian tách rời Nhất thiết chủng tử thức, Báo thức thì không thành. Trung gian huân tập đó, thuộc về chủng tử kia thì không thuận.

Tại sao tất cả chủng tử cùng với báo thức làm nhân nhiễm ô được thành, chủng tử thuộc tâm xuất thế gian đối trị nhiễm ô không thành?

Vì tâm xuất thế gian là chưa hề có, cho nên nhân đối trị kia huân tập cũng vốn không có. Đã không có nhân huân tập thì có chủng tử nào được sinh? Kia lẽ ra nói do pháp giới thiện thanh tịnh tận cùng kia chỉ lấy sự huân tập chủng tử “nghe” mà sinh khởi cái tâm xuất thế gian hiện hữu. Sự huân tập “nghe” kia là tánh của A-lê-da thức hay là không phải tánh của A-lê-da thức? Nếu là tánh của A-lê-da thức thì trong đó làm sao chủng tử đối trị kia được thành? Hoặc không phải tánh như vậy, là do sự huân tập chủng tử “nghe” mà có thì nương vào thân nào có thể thấy được? Chư Phật đấng Bồ-đề rồi, thì huân tập “nghe” vốn có kia tùy thân tâm hiện cùng đồng sự và hành trong “Báo thức”, cũng như nước với sữa, nhưng không phải A-lê-da thức, vì nó là chủng tử đối trị A-lê-da thức.

Nương vào sự huân tập nghe ít mà sinh sự huân tập vừa phải, nương vào huân tập vừa phải mà sinh sự huân tập cao và phần nhiều là lấy thuận nghĩa Văn, Tư, Tu. Nhưng chủng tử của Văn, Tư, Tu tuy có ba bậc: Ít, vừa và cao nhưng phải biết đó là chủng tử của Pháp thân trái nghịch với A-lê-da thức, không gom thâu thuộc về A-lê-da thức. Vì là sư khí nhân (nhân đẳng lưu) của pháp giới thiện thanh tịnh xuất thế gian, nên tuy thế gian mà làm chủng tử của tâm xuất thế gian. Nhưng chủng tử đó khi chưa đắc tâm xuất thế gian thì hiển hiện khí đối trị phiền não, tùy theo đối trị ác đạo, tiêu diệt, làm tất cả đối trị ác. Lại có khả năng tùy thuận thân cận chư Phật, Bồ-tát tuy các Bồ-tát sơ học trong thế gian nhưng cũng được gom thâu vào trong Pháp thân, còn các Thanh-văn Duyên-giác chỉ thuộc về giải thoát thân. A-lê-da thức kia và sự huân tập nghe (chánh văn) thuộc về pháp thân và giải thoát thân dần dần tăng trưởng từ ít, vừa, đến, cao, thì Báo thân thức cũng tuần tự giảm, kém, thân cũng chuyển ra sáng, tất cả thời thân sở y cũng chuyển ra sáng tỏ. Tất cả thời đã chuyển thân rồi, thì tất cả chủng tử của Báo thức kia, thành lìa chủng tử, và tất cả thời đều diệt mất.

Sự huân tập nghe lại như thế nào với A-lê-da thức như nước sữa? Nếu như thế thì huân tập nghe không phải A-lê-da thức nhưng đồng sự mà hành tất cả thời. Việc hoại mất A-lê-da thức, còn lại huân tập nghe giống như việc ngỗng uống sữa trong nước. Hoặc nhập chán lìa thế gian, hoặc nhập định Tập diệt, hoặc nhập định Tập tăng trưởng.

Như chuyển thân và nhập các định Diệt tận, tuy không vướng ở thức nhưng trong định này chỉ là thức chấp (Dị thực thức) không lìa được thành, không phải định Diệt tận kia do được giữ lấy thức đối trị mà sinh khởi, cũng không phải khởi (xuất) định mà thức kia được sinh lại. Báo

thức đã đoạn, thì không được nhận lấy xứ khác để thuận thành. Nếu cho rằng định Diệt tận có tâm, thì tâm đó cũng là tâm thiện và tâm bất thiện, còn tâm vô ký thì không sinh thành và cũng không thành định Diệt tận. Nếu lại nói là các sinh sau tâm và sắc là chủng tử sự sai biệt của các pháp thì trước đó chưa sinh, cũng sẽ không sinh, Sắc và Vô sắc chết rồi và xuất định Diệt tận, điều đó không thành, và tâm sau cuối của A-la-hán cũng không thành, chỉ trừ ra thứ đệ duyên có thể thành.

Như vậy nếu tách rời trong (trung gián) Nhất thiết chủng tử, Báo thức thì không có nhiễm, tịnh được thành. Do đó giải thích những sự không thành kia và tùy chỗ tương đương mà nói, trong đó nói kệ:

*Bồ-tát tịch tịnh tâm,
Xa lìa cả năm thức,
Lìa khác có chuyển sự
Tâm làm sao tạo tác ?
Đối trị và hồi chuyển,
Vô lượng chủng không thành,
Sự phân biệt, nhân quả
Tâm kia diệt phải thuận.
Lìa chủng tử chẳng sự,
Nếu nắm lấy chuyển sự,
Cả hai sự không có,
Chuyển sự cũng không thành.*

Các sự như thế nào? Lại nữa, sự sai biệt của A-lê-da thức này lược có ba thứ và bốn thứ. Phải biết, ba thứ sai biệt là ba thứ huân tập sai biệt:

1. Ngôn thuyết huân tập sai biệt.
 2. Thân kiến huân tập sai biệt.
 3. Nhân duyên huân tập sai biệt.
- Bốn thứ huân tập sai biệt:

1. Thủ thời sai biệt.
2. Báo sai biệt.
3. Niệm sự sai biệt.
4. Tướng sai biệt.

Trong đây thủ thời sai biệt là các huân tập vốn có được sinh, sự này không có thì hành duyên thức và thủ duyên hữu không thành. Báo sai biệt, là vốn có “hành” và “hữu” làm duyên nên có thọ báo trong các nẻo, sự này không có thì không có chủng tử, các pháp đời sau sinh không thành. Niệm sai biệt, là vốn có ý niệm về tướng ngã. Ý kia không

có thì sự chấp thủ nghĩ về bản thân không thành. Tướng sai biệt, là vốn có tướng đồng và không đồng. Có tướng lia chũng tử đồng với việc lia thọ sinh, có tướng chũng tử đồng với thọ sinh. Tướng đồng chũng tử của thọ sinh là khí thể gian hiện hữu bên ngoài (còn gọi là tướng chung). Tướng không đồng (còn gọi là tướng riêng), là các chũng tử nội Nhập hiện có. Chũng tử của tướng chung là không có (tách lia) thọ, chũng tử của tướng riêng là có thọ sanh. Khi đối trị sinh thì đối với tướng riêng là các chũng bị diệt, còn đối với tướng chung là cái do vọng tướng phân biệt của người khác chấp cho là thấy thanh tịnh. Ví như người tu hành trong một sự có nhiều loại tin, hoặc như thấy... đều được. Trong đây kệ nói:

*Khó diệt và chũng phược,
Nói đó làm đồng sự,
Người hành bị loạn tâm,
Tự nghĩ cảnh trần ngoài.
Thanh tịnh, chẳng trái nghịch.
Chân thật kiến thanh tịnh,
Chư Phật, giới thanh tịnh,
Chư Phật kiến thanh tịnh.*

Lại vốn có những sự khác nhau giữa tướng đồng (chung) và không đồng (riêng), như khi đối trị sinh thuận theo hắng sự thì chũng tử của thọ sinh bị trừ diệt chũng sinh thế gian cũng thành tựu theo, còn chũng tử không phải thọ sinh thì không thành tựu hủy diệt như vậy. Lại có sự khác nhau của tướng thô và tướng nhẹ. Tướng thô là hiện có chũng tử của phiền não và sử, tướng nhẹ là chũng tử của pháp thiện hữu, sự này không có thì báo được tạo, không tạo trong thân ở điều kiện tốt nhất cũng không thành. Lại nữa, có tướng không thọ về thọ. Tướng không thọ (hết), là hết thấy chũng tử thiện và bất thiện đã thành quả báo dị thực. Tướng thọ (còn) là chũng tử ngôn thuyết, huân tập và chũng tử của vô lượng phân biệt tùy thuận từ trước đến nay. Sự này không có, thì nghĩa khi Nghiệp thiện ác tạo và không tạo, được quả báo rồi không còn thọ dụng sẽ không thành và sự ngôn ngữ mới huân tập sinh cũng không thành. Lại có các tướng thí dụ như: Huyền, ngọn lửa, mộng, mắt bệnh... A-lê-da thức kia lúc đó không có, những tướng kia thế hư vọng phân biệt do chũng tử, tạo ra tướng sự ấy không thành. Lại còn có tướng đồng và khác của sự ràng buộc. Người có đủ ràng buộc, là đồng tướng thế gian. Người lia dục, là tướng hoại bất. Các bậc Học, Thanh-văn và chư Bồ-tát, là tướng trừ bỏ phiền não chũng. Chư Như Lai là tướng trừ diệt

đầy đủ phiền não chướng và trí chướng. Như thuận theo tướng chủng tử ràng buộc này, thì sự phiền não hủy diệt dần dần không còn. Vì lý do gì Báo thức là vô ký bất định trong quả báo của các pháp thiện bất thiện? Vì Báo thức vô ký như vậy thì không trái nghịch với các pháp thiện và bất thiện. Nếu báo thức là thiện hay bất thiện tức có trái nghịch lẫn nhau, thì hai mặt thuộc phiền não và chuyển phiền não đều không thành. Cho nên Báo thức chỉ có bất định vô ký là. Đã nói về cái nương tựa, của trí (A-lê-da thức) còn tướng như thế nào? Tóm lược có ba loại:

1. Tha tánh tướng.
2. Vọng tướng phân biệt tướng.
3. Thành tựu tướng.

Trong đây Tha tánh tướng là gì? Là các thức thuộc về hư vọng phân biệt, trong chủng tử của thức A-lê-da. Đó là những thức gì? Là thức thân và thức của chủ thể thọ dụng, Thức của đối tượng thọ dụng thức thọ dụng, thức thời gian, thức số mục, thức phương xứ sai biệt dựa vào ý thức, tự tha phân biệt, thức thiện ác sinh diệt. Trong đó thức thân, thức của chủ thể thọ dụng, thức của đối tượng được thọ dụng, thức thọ dụng, thức thời gian, thức số mục, thức phương xứ sai biệt dựa vào ý là do chủng tử của ngũ ngôn huân tập sinh ra. Thức phân biệt tự tha nhân, là nhân của sự huân tập chủng tử thân kiến. Thức sinh tử trong các nẻo thiện ác là do chủng tử của nhân duyên huân tập chủng tử. Các thức này là thuộc về phiền não, tất cả pháp trần và tất cả nẻo thiện ác để biểu hiện cái tha tánh tướng, là hư vọng phân biệt hiện thấy được thành. Sự thành tựu của phân biệt hiện thấy đây là cái thuộc về hư vọng phân biệt vốn có trong các thức này. Cho nên sự Duy Thức là nghĩa, không phải có, vọng chấp lấy, và dựa vào đó để thấy gọi là tha tánh tướng.

Thế nào là Hư vọng phân biệt tướng? Là như không có pháp trần, chỉ có thức kia khởi tướng pháp trần hiện chấp lấy, gọi là hư vọng phân biệt tướng. Thế nào là Thành tựu tướng? Là nếu trở lại trong tha tánh tướng kia thì tướng trần kia vĩnh viễn không còn gọi là Thành tựu tướng.

Trong đây thức thân và thức của chủ thể thọ dụng, phải biết là sáu nội căn tức nhãn căn v.v... Thức của đối tượng được thọ dụng, là sáu pháp trần bên ngoài: sắc, thanh v.v... Thức có thể thọ dụng, là sáu thức như nhãn thức... Ngoài ra các thức khác sai biệt nên biết.

Lại nữa, các thức này chỉ có thức mà không có nghĩa thật. Các chỗ khác có thấy gì? Có cái thấy của mộng nên biết, đó gọi là trong mộng là trần chỉ có thức, các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, nhà, cửa, rừng,

đất, gió, núi, trần, hiện tượng sự như vậy cho nên thấy, nhưng các xứ đó không có nghĩa trần có thật như vậy, nên biết người thấy tất cả chỉ là thức, tùy nghĩa mà thông đạt, chữ “Đẳng” (vân vân) là nói các thí dụ khác như huyễn sự, nắng chói lóa, nai khát nước, mắt bệnh... nên biết. Nhưng người tỉnh mộng sau đó tất cả cũng là thức như vậy. Tại sao vậy? Như trong mộng chỉ có ý thức sinh. Như vậy khi thức dậy trần kia cũng không hiện “hành”, mà toàn chỉ Duy thức? Khi trí chân thật hiện hành rồi thì cảnh chân thật mới hiện hành. Như người chưa tỉnh mộng làm sao biết sự kia là Duy Thức? Đó là từ A-hàm và trong nghĩa giải thích. Trong đó, A-hàm như trong kinh Thập Địa, Phật nói: “Ba cõi đều chỉ do tâm”. Trong kinh Tương Tục Giải Thoát, Bồ-tát Di-lặc hỏi Phật: “Bạch Thế tôn! Hiện có những ảnh tượng được thấy trong cảnh giới Tam-muội kia đối với tâm khác nhau hay là không khác nhau”? Phật nói: “Này Di-lặc! Không khác! Tại sao vậy? Niệm cảnh thấy kia chỉ có thức, Ta nói cái thức thấy ấy chỉ do thức hiện”. Bồ-tát Di-lặc nói: “Bạch Thế Tôn! Nếu hình tượng cảnh giới Tam-muội và trong tâm không khác, thì tại sao dùng tâm mà nhận lấy”? Phật nói: “Này Di-lặc! Không có pháp nào có thể nhận lấy pháp nào, nhưng tâm kia sinh như vậy. Vì sinh như vậy cho nên thấy như vậy. Ví như duyên hình tượng cho nên chỉ thấy hình tượng mà nói mình thấy hình tượng”. Do nghĩa đó trung gian không là hình tượng kia, trung gian hình tượng kia tương tự thấy. Như vậy sinh tâm đó, như vậy trung gian mà nói thấy.

Như thế, A-hàm này đem chứng minh thành nghĩa các màu xanh... tùy nơi tâm khi nhập định thấy, biết thì những ảnh tượng được thấy hiện có kia chỉ là trở lại thấy tâm, và màu xanh... tách rời cảnh trần... Như vậy là đã thuận giải thích nghĩa. Do đó cho nên, Bồ-tát đối với tất cả thức, nên suy lường cuối cùng nhận lấy chỉ toàn là duy thức. Không có cảnh màu xanh, được thức gìn giữ, nhớ nghĩ, các đối tượng được thấy, nghe, tư duy, tu tập của Ý niệm trước đây mà tùy theo các sự ấy thứ nhớ lại, cũng như nhớ lại quá khứ. Vì vậy hiện tượng ấy chỉ có thức, hiện là cảnh và được lấy thí dụ này làm chứng. Bồ-tát tuy đã chưa được chân trí tỉnh giác, nhưng cũng nên suy lường chỉ có tỉnh giác các sự tùy thuộc mộng này nói chung chung các thức, thì thức đó thuận thành duy thức. Các thức của nhãn thức... các thức của nhãn lại có các sắc. Làm sao biết được sự chỉ có thức, vì sắc kia cũng có? Cũng dùng A-hàm và sự giải thích như trước đã nói để đáp. Nếu chỉ có các thức kia tại sao sắc và thể của sự tướng hiện thấy trụ lâu? Vì là nhân dựa ở của hành điên đảo v.v... phiền não tạp nhiễm. Nếu không vậy thì, trần hư vọng không thành.

Nếu không vậy, thì các nhiễm sự của phiền não và trí chướng không thành, sự thanh tịnh cũng không thành. Cho nên, như vậy thì mới thuận nghĩa thành Duy thức. Trong đây có kệ nói:

*Vọng niệm và vọng tưởng,
Nói là các sắc thức,
Và vô phi sắc thức,
Không phải pháp nào khác.*

Tại sao như nói các thức thời gian v.v...? Là vì vận hành không có thời gian định đoạt, thế gian lưu chuyển không dứt, là nhân của vô lượng cảnh giới chúng sinh, nhân của vô lượng thế giới Phật, nhân của vô lượng sự được tạo tác cùng với giả danh phân biệt lẫn nhau, nhân của vô lượng sự thấu nhận thọ dụng sai biệt, nhân của vô lượng quả báo sai biệt của nghiệp ái không ái, và thọ dụng sai biệt nhân của vô lượng sinh tử sai biệt. Tại sao các thức này xác lập thành nghĩa Duy thức? Lược nói có ba tướng trạng:

1. Nguyên nhân chỉ vì kia không có nghĩa (cảnh không thật).
2. Nguyên nhân thức có sự đồng là niệm, kiến (Tướng phần, Kiến phần).
3. Nguyên nhân có nhiều vật, như do thợ vẽ, vẽ ra.

Như vậy tất cả các thức kia không có cảnh trần thật, chỉ có đồng kiến, tướng phần như vậy; cái nghĩ về các sắc của nhãn thức gọi là tướng phần; nhãn thức là Kiến phần cho đến thân thức thấy là kiến phần, xúc thức là tướng phần. Chỉ có ý thức thì lấy tất cả thức như nhãn thức v.v... làm tướng phần, Ý thức đồng là kiến phần. Vì ý thức là chủ thể phân biệt, nên sinh hiện tướng tất cả thức. Trong đây có kệ nói:

*Chỉ có hai sự kia,
Hành giả nhập ý thức,
Chỉ nhập tâm kia rồi,
Thành tựu do lực ấy.*

Đây nói: Chỉ có Ý thức sinh các thứ hiện hành mà được tên gọi, cũng như thân khẩu v.v... ngoài ra hiện hành trong tất cả thân thì giống như thân vẽ. Hai thứ hiện tướng vận hành này chỉ có hiện tướng cảnh trần của thức và hiện tướng phân biệt. Tất cả hiện tướng xúc là hiện hành chỗ nương tựa thân của sắc trần, còn ý thức kia là hiện hành chỗ nương tựa thân của sắc căn. Trong đây kệ nói:

*Xa cho đến độc hành,
Không thân, trong hang.
Ai có thể điều phục*

Cái tâm khó phục này.

Ta nói là tịnh hạnh.

Như nói các năm căn này thì cảnh giới duyên thọ của ý thức được thành, nhưng ý là nơi tựa của năm căn kia. Lại như nói mười hai nhập, sáu loại thức trong kinh thì sáu thức là ý nhập. Nếu có A-lê-da thức, thì thức trần và thức phân biệt an lập trong đó. Ngoài ra tất cả thức, còn là thức niệm tưởng của A-lê-da, kia chỉ có thức của ý thức là đồng thân với “kiến” phần, nên phải biết. Như vậy chỉ có các thức của niệm tưởng là nhân cho kiến phần sinh khởi, khi như cảnh trần hiện tướng thì đồng là chỗ dựa cho kiến phần đã sinh. Như vậy các thức này là sự an trụ của Duy thức thành tựu.

Tại sao có thấy trần mà nói thành nghĩa không có thật? Như Phật đã nói: Bồ-tát thành tựu bốn pháp, thì tất cả các thức hiểu rõ thông suốt sự không có thật kia: 1. Trí biết tướng thức mâu thuẫn: cũng như ngựa quý, súc sinh, người, trời trong cảnh sự đồng nhau, nhưng thấy đã khác nhau. 2. Có thức biết không phải nhớ cảnh, thấy cảnh hiện tiền. Cũng như có các thức biết, nghĩ hiện tướng trong mộng quá khứ vị lai. Mà không có đối cảnh hiện tiền. 3. Trí đồng thuận với Ý gia hạnh (có dụng công) mà gián cách với sử điên đảo gọi là có niệm pháp trần. Niệm thức đó không điên đảo, lẽ ra đạt được cái chân trí không dụng công. 4. Được cái biết tùy thuận ba thứ trí. Như vậy chư Bồ-tát và những người đắc thiền định, đạt được uy lực của tâm tự tại nhớ giữ, hiển hiện các sự như vậy, và đắc Xa-ma-tha. Những người tu hành quán pháp thuận, chỉ có nhớ nghĩ hiện cho đến đắc vô phân biệt trí, ở đây hiển hiện tất cả nghĩa (là không thật). Như vậy ba thứ trí này tùy thuận nghĩa. Nghĩa đó vốn có bốn tướng, giải thích thành nghĩa không và có.

Nếu là nghĩa duy thức ấy thì chỗ nương tựa của kiến phần hiện ra là tha tánh tướng là sao? Tha tánh lấy nghĩa gì mà nói tha tánh? Vì tự huân tập chủng tử sinh, duyên tha tánh sinh rồi, sát-na sau đó tự nó không có lực trụ lại cho nên nói là tha tánh.

Kia là vọng tưởng phân biệt tức không phải tánh, không phải nơi nương tựa, chưa từng có thấy pháp trần, thì vì sao nó là vọng phân biệt? Vì nghĩa gì mà tánh đó gọi là vọng phân biệt? Vọng phân biệt vô lượng tướng thì điên đảo tướng sinh khởi. Vọng phân biệt, là không có tự tướng, chỉ có vọng thấy, nên nói là vọng tưởng.

Còn tướng thành tựu, (Viên thành thật) thì tướng đó vĩnh viễn không có tự tánh tướng, vậy tướng đó thành tựu thế nào? Lấy nghĩa gì mà nói là thành tựu? Vì nghiệp không lấy (chấp thủ) cho nên nói là

thành tựu. Là nghĩa duyên niệm thanh tịnh là nhân của tất cả thiện căn vi diệu, cũng là nghĩa cao thượng cho nên gọi là thành tựu.

Lại có phân biệt và vô phân biệt nói là tánh phân biệt, trong đó phân biệt là gì? Những gì là phân biệt, Những gì là tánh phân biệt? Ý thức phân biệt là năng phân biệt, nhưng ý thức đó lấy sự huân tập ngữ ngôn của bản thân nó và tất cả thức, mà làm chủng tử. Cho nên nó có vô lượng tướng phân biệt. nó hiện hành tất cả xứ và vọng tưởng phân biệt, nên gọi là phân biệt. Lại nữa, đối với y tha, vọng tưởng nhớ nghĩ theo nó thành tánh sở hữu. Vọng tưởng về tánh y tha, là vọng tưởng tự tánh còn, nó vọng lấy tướng gì hay nghĩa gì thì như trước đã giải thích.

Thế nào là vọng phân biệt? Là lấy phân biệt gì? Lấy niệm gì? Lấy niệm chấp gì? Lấy mạn gì? Lấy giả danh gì? Lấy gì an lập danh nghĩa? Lấy niệm trong tánh y tha. Niệm đó chấp lấy cái thấy, mà mạn của nó phân biệt khởi khẩu nghiệp. Bốn thứ thấy, nghe, biết, và nhận thức của thế gian, không phải có nghĩa mà an lập giả danh có, cho nên là vọng tưởng phân biệt.

Ba tánh này là đồng hành, hay biệt hành? Là riêng (biệt hành), không riêng (đồng hành) đều tương ứng nói nghĩa của một phía. Do tánh Y tha thành Y tha tánh; cũng chính y tha thành biến kế do nói nghĩa của một phía phân biệt; lại chính Y tha là thành tựu tự tướng là nói nghĩa của một phía không còn phân biệt. Vậy nghĩa của một phía do tánh y tha thành y tha tánh là thế nào? Đó huân tập chủng tử của tha tánh sinh ra, nhân tha tánh. Lại biến kế (phân biệt tánh) là vì danh nghĩa đó vọng phân biệt như vậy. Vọng phân biệt và các nhân phân biệt có nghĩa gì? Vì tùy phân biệt y tha mà vọng phân biệt như vậy. Lại thành tựu tánh là như tánh y tha bị phân biệt và phân biệt kia vĩnh viễn không có.

Tha tướng có mấy thứ? Lực có hai thứ:

1. Chủng tử huân tập sinh. 2. Không nhất định nhiễm hay tịnh.

Như vậy hai loại này nói là tha tướng.

Tánh vọng phân biệt cũng có hai thứ:

1. Phân biệt về tánh. 2. Phân biệt về sự hơn, kém (sai biệt).

Lấy hai thứ này làm phân biệt.

Tánh thành tựu cũng có hai thứ:

1. Tánh thành tựu. 2. Tịnh thành tựu.

Phân biệt lại có bốn thứ:

1. Phân biệt về tánh 2. Phân biệt về sai biệt. 3. Phân biệt về giác (biết). 4. Phân biệt về bất giác. (không biết)

Phân biệt về giác (biết) là hiểu rõ hay (thiện xảo) sự nghĩa. Phân

biệt về bất giác là không hiểu rõ, hay sự nghĩa. Lại có năm thứ:

1. Phân biệt nghĩa dựa vào danh, đó gọi là danh này thì có nghĩa này.
2. Phân biệt danh dựa vào nghĩa, đó gọi là nghĩa này thì có danh này.
3. Phân biệt danh dựa vào danh, là không quyết định nghĩa mà phân biệt danh.
4. Phân biệt nghĩa dựa vào nghĩa là chưa quyết định danh mà phân biệt nghĩa.
5. Phân biệt cả danh và nghĩa là gọi nghĩa này như vậy thì thân như vậy, danh cũng như vậy.

Lại vì thâm nhiếp tất cả nghĩa phân biệt nên có mười thứ phân biệt:

1. Phân biệt căn bản, ấy gọi là A-lê-da thức.
2. Phân biệt tướng, ấy gọi là thức của các sắc.
3. Phân biệt niệm hiện tướng, ấy gọi là thức đồng nương nhãn thức.
4. Phân biệt của niệm biến đổi ấy gọi là lão, lạc thọ, tham... khi bị phiền não của tha tánh chuyển biến, các cõi và Dục giới khác nhau.
5. Phân biệt niệm hiện sự tướng biến đổi ấy gọi là các tướng biến đổi đã nói như vậy, dị tướng đó là chỗ sẽ phân biệt của tha tánh, ấy gọi là không nghe chánh pháp và hết thấy phân biệt của người nghe chánh pháp.
6. Không tịch tịnh tư duy, ấy gọi là không nghe chánh pháp, là các ngoại đạo.
7. Tư duy tịch tịnh ấy gọi là nghe chánh pháp đồng nơi pháp.
8. Phân biệt về đố kỵ là ý bất chánh suy lường.
9. Phân biệt đồng thuận kia. Là không có tư lương chánh ý, là thân kiến... sáu mươi hai tà kiến.
10. Phân biệt tán động, là mười thứ phân biệt của Bồ-tát: 1. Tán (tán động) phân biệt. 2. Tán phi sự tướng. 3. Tán sự tướng. 4. Tán chánh an. 5. Tán hủy báng. 6. Tán nhất hưởng. 7. Tán dị sự. 8. Tán tánh. 9. Tán tùy danh nghĩa. 10. Tán tùy nghĩa danh. Vì đối trị trong mười cú nghĩa tán sự này cho nên nói Vô phân biệt trí. Trong tất cả Bát-nhã Ba-la-mật nói đầy đủ về chướng kia và đối trị như vậy, phải biết.

Nếu ba thứ tánh này thành tựu do tha tánh tướng trên một phía danh nghĩa nào đó, thì tại sao ba thứ tánh không có sai biệt không được thành? Ấy là tùy theo một phía nghĩa tha tánh, thì không phải vọng

phân biệt và thành tựu. Tùy theo một phía nghĩa của phân biệt thì là chẳng phải tha tánh và phải thành tựu. Tùy theo một phía gọi là cái được thành tựu, thì như vậy chẳng phải tha tánh, chẳng phải vọng tưởng. Làm sao biết được? Như tha tánh tướng, vọng phân biệt tánh sự hiển hiện mà không phải thế như vậy? Vì các tên gọi gốc như vậy, tánh rời tuệ (cái biết vọng) và nhân tự diệt. Nhiều danh thì nhiều thân tức nhân sẽ mâu thuẫn; vì danh bất định. Vì thân tướng ô uế thì nhân sẽ mâu thuẫn. Trong đó có kệ:

*Danh xưa không có tuệ,
Nhiều danh và bất định,
Trở thành tự nhiều thân,
Uế thân là trái nghịch.
Biết, thấy các sự pháp,
Và thấy các nhiễm, tịnh v.v...
Như huyễn phải nên biết,
Và cũng như hư không v.v...*

Lại vì nghĩa gì tất cả sự của tha tánh tướng không thành như huyễn, hư không v.v.. mà kệ nói kia? Vì Y tha tánh là không có rồi thành tựu tánh cũng không có như có, vậy tất cả sự không thành. Lại vì tha tánh và tánh thành tựu là không có, thì sự nhiễm và tịnh không có, mà đương nhiên phải thấy nhiễm và tịnh. Cho nên, không phải tất cả đều không có. Trong đây có kệ nói:

*Tha tánh đã không có,
Thì thành tựu đều không
Không có sự thời thường
Các nhiễm tịnh đều không.*

Trong giáo lý Đại thừa rộng lớn, chư Phật, Như Lai từng có nói nghĩa này. Ở đó nói nên biết về tánh vọng phân biệt là thế nào? Nghĩa là nói có thể biết danh nghĩa tùy thuộc kia không có thật. Biết về tha tánh tướng như thế nào? đó là biết nó là huyễn sự, nắng lửa, mộng, gương hình, ánh sáng, tiếng vang, trăng trong nước, ứng Hóa... các thí dụ phải biết. Biết về tánh thành tựu thế nào? Có bốn pháp thứ tịnh, trong đó nói biết bốn thứ pháp tịnh này:

1. Tánh tịnh, ấy gọi là của Chân như, “Không”, Thật tế, Vô tướng. Chân thật nghĩa và Pháp giới.
2. Ly cấu tịnh, ấy gọi là lìa tất cả chướng cấu như vậy.
3. Đắc hạnh tịnh, ấy gọi là tất cả pháp phần Bồ-đề và các Ba-la-mật.

4. Sinh nhân niệm tịnh, ấy gọi là thuyết Đại thừa pháp.

Vì nhân thanh tịnh kia như vậy cho nên không phải vọng tưởng. Là nhân khí pháp giới thanh tịnh cho nên không phải tha tánh. Như vậy bốn pháp này thâm nhiếp thành tựu tất cả pháp thanh tịnh. Trong đó có kệ nói:

*Nói huyễn v.v... nên tha sinh (y tha)
Vọng kể nói không có (không có thật)
Trong bốn thứ tịnh pháp,
Nói là chân thật tịnh.*

Vì bốn thứ: Tánh tịnh, ly cấu tịnh, hạnh tịnh, niệm tịnh, nên gồm thu các pháp thanh tịnh trong bốn thứ này.

Lại vì tướng nào nói tha tánh tướng như đã nói trong các thí dụ như huyễn v.v... Do những người khác đối với tha tánh tướng bèn quay trở lại ý chấp vọng điên đảo. Tại sao họ nghi ngờ điên đảo tha tánh tướng? Tức họ nghĩ thế này: Tại sao nói nghĩa không có mà có cảnh giới hiện tại được thành? Vì trừ nghi ngờ quay trở lại nghĩa có thật cho nên nói là như huyễn. Tại sao nói nghĩa không có mà có nghĩa các tâm, tâm sở thuận sinh thành? Vì gạt bỏ nghi này mà nói thí dụ như nắng chói lóa. Tại sao nói nghĩa không có này mà có sự thọ ái và không ái? Vì gạt bỏ nghi này cho nên nói thí dụ như mộng. Tại sao nói nghĩa không có này mà có nghiệp tịnh và bất tịnh, quả ái và bất ái, sự thuận và bất thuận? Để gạt bỏ nghi kia cho nên nói thí dụ như hình trong gương. Tại sao nói nghĩa không có mà có các thứ thức thuận sự? Để gạt bỏ nghi kia cho nên nói thí dụ như ánh sáng. Tại sao nói nghĩa không có nghĩa này mà có các thứ ngữ ngôn giả danh thuận sự? Để gạt bỏ nghi kia cho nên nói thí dụ như tiếng vang. Tại sao nói nghĩa không có này mà thật có thể giữ cảnh giới thuận sự Tam-muội? Để gạt bỏ nghi này cho nên nói thí dụ như trăng trong nước. Tại sao nói nghĩa không có này mà có nghĩa chư Bồ-tát giữ ý không điên đảo, làm lợi ích cho chúng sinh mà thọ sinh? Để gạt bỏ nghi ý kia cho nên nói thí dụ như ứng Hóa.

Có nghĩa gì mà như trong kinh Phạm Vương nói: “Như Lai không thấy thế gian, không chứng Niết-bàn”? Vọng phân biệt trong tha tánh tướng và nhân của thành tựu tánh, nói thế gian và Niết-bàn thật ra không có sự gì khác. Như vậy ở phần vọng phân biệt của tha tánh tướng kia cho nên nói là thế gian ở phần thành tựu của Y tha cho nên nói là Niết-bàn. Như trong A-tỳ-đàm Phật nói: “Có hai pháp, là nhiễm phần và tịnh phần”. Hai phần đó có nghĩa gì mà nói? Tánh vọng tưởng trong tha tánh là phần phiền não, tánh thành tựu là phần tịnh, trở lại tha tánh

là hai phần kia. Vì nghĩa này cho nên nói. Trong nghĩa này tại sao hiện nói thích dụ vàng quặng mỏ và đất? Đó là vì chúng có ba sự có thể thấy:

1. Địa trần. 2. Đất. 3. Vàng.

Trong đó có địa trần (địa giới, quặng mỏ) cho nên thấy đất và thấy có vàng. Nếu khi đưa vào lửa nung đốt thì không thấy đất, chỉ thấy vàng. Địa trần, khi thấy đất thì không phải là thấy đúng, khi thấy vàng thì không phải thấy như thật, cho nên địa trần có hai phần. Cũng vậy khi lửa vô phân biệt trí này tiếp xúc với thức kia rồi, tức là sự tánh thành tựu thấy, cho nên không thấy sự tánh hư vọng phân biệt của thức kia. Lại khi lửa Vô phân biệt trí tiếp xúc với thức, rồi tức là sự tánh thành tựu thật của thức kia cho nên thấy, và vì sự tánh vọng phân biệt cho nên không thấy. Do đó cái vọng thức phân biệt vốn có là phần của tha tánh, tướng được thành. Như trong mỏ vàng có hai thứ là vàng và đất bùn.

Đức Như Lai có chỗ nói tất cả pháp thường, hoặc nói tất cả pháp vô thường, hoặc nói chẳng phải thường chẳng phải vô thường. Lấy ý gì mà nói thường? Là tha tánh tướng thành tựu phân biệt cho nên nói thường. Vọng phân biệt cho nên vô thường. Vì đủ hai phần đó cho nên nói chẳng phải thường và chẳng phải vô thường. Do ý đó cho nên nói. Như thường, vô thường và chẳng hai (Bất nhị) cũng như vậy Khổ, vui và chẳng hai, tịnh bất tịnh và chẳng hai, không bất không và chẳng hai, ngã vô ngã và chẳng hai, định, bất định và chẳng hai, tánh vô tánh và chẳng hai, sinh, bất sinh và chẳng hai, diệt, bất diệt và chẳng hai, định vĩnh viễn, bất định vĩnh viễn và chẳng hai, tánh diệt tánh bất diệt và chẳng hai, thế gian, Niết-bàn và chẳng hai. Các cú nghĩa sai biệt như vậy là tất cả mật ngữ của chư Phật, nên biết tùy thuận theo ba tánh này. Trong các câu nói như thường, vô thường... ở trên thì đây có kệ nói:

*Như các pháp vốn không,
Như thấy (thì) chẳng phải một
Pháp, phi pháp như vậy,
Nên nói nghĩa không hai.
Vì một phần sự kia,
Cũng nói gọi là sự,
Hai phần không gọi (là) sự,
Không phải chân thật sự.
Như thấy không phải như có,
Cho nên nói là thấy,*

*Như vậy kia cũng thấy,
Cho nên nói là không.
Vì tự thể, tự không,
Trong tự sự không trụ,
Chấp thủ gốc cũng không,
Cho nên nói vô tánh.
Vì vô tánh nên thành,
Nghĩa nương tựa hướng lên
Không sinh cũng không diệt,
Tánh tịch diệt vĩnh viễn.*

Nhưng có bốn thứ ý sâu xa và có bốn thứ mật ngữ lần lượt mà tất cả chư Phật đã tuyên nói, nên biết thuận giải thích:

1. Ý sâu xa về sự đồng đương của pháp” Nghĩa là đức Như Lai ở thời gian vô lượng vô biên xưa kia có danh hiệu là Chánh chân Chánh giác Tỳ-bà-thi.

2. Ý sâu xa về thời gian: Nghĩa là hoặc xưng niệm danh hiệu Đa Bảo Như Lai thì liền quyết định đối với A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Như kinh Vô Lượng Thọ nói: “Nếu có chúng sinh nguyện sinh qua thế giới Vô Lượng Thọ thì liền sinh như thế”.

3. Ý sâu xa của việc nghe trong như nghĩa Đại thừa. Như trong kinh đã nói: “Cúng dường chư Phật... nhiều như số cát sông Hằng cúng dường thân cận rồi thì được hiểu nghĩa Đại thừa như thế”.

4. Ý sâu xa về tùy thuận tâm. Nghĩa là hoặc có đối chúng sinh này thì khen ngợi hạnh bố thí, đối chúng sinh khác thì lại lại chê... Nói bố thí như vậy thì trì giới, hoặc đối chúng sinh khác nói là sự tu tập...

Do đó cho nên nói bốn thứ ý sâu xa. Bốn thứ mật ngữ lần lượt là:

1. Khuyến phát lần lượt: Bí mật dẫn chúng sinh hoặc trong Thanh-văn thừa, hoặc trong Đại thừa mà thuận theo Thế tục để nói sự thù thắng của Pháp tánh.

2. Tướng lần lượt: là bí mật nói ba tự tánh tùy trong pháp tướng.

3. Đối trị lần lượt: là bí mật nói hạnh của chúng sinh tùy thuận tám vạn bốn ngàn pháp môn đã nói.

4. Phát nguyện lần lượt là bí mật dùng, lời nói, âm thanh, văn tự, tùy thuận theo ý nghĩa đối khác. Cách nói khác tùy vào đối tượng. Trong đó kệ nói:

*Phi thật mà làm thật,
Khéo trụ trong điên đảo,
Vì thiện nhiễm phiền não,*

Đắc vô tượng Bồ-đề.

Ai muốn giải thích kinh Đại thừa, thì người đó phải lấy ba thứ tướng sai biệt để lược làm giải thích:

1. Nói Nhân duyên.
2. Nói sinh các pháp tướng do nhân duyên sinh.
3. Vì nói nghĩa được nghe nói.

Trong đó nói sự tập hợp của nhân duyên, là như nói huân tập ngôn ngữ đã sinh ra pháp. Nơi sinh pháp đó quanh quẩn trong Báo thức và Thuận thức (chuyển thức) duyên lẫn nhau mà sinh. Báo thức kia lại là các pháp tướng phần của Thuận thức, đồng niệm kiến (kiến phần) và đềuu tự tánh là thức. Nhưng tướng nhớ nghĩ và duy trì, tướng phân biệt và tướng thể pháp kia, là lấy thức tánh này để thị hiện ba thứ tánh tướng được thành. Như nói đồng niệm kiến, thì biết ba tướng ức trì, phân biệt và pháp thể cũng như thế.

Tại sao tướng kia lại giải thích tướng phân biệt là trong tha tánh thì không, trong đó thành tựu tánh thì có? Hai thứ có và không đó là khi có giác, và không giác, có thấy và không thấy thật sự đều được đồng thời nghĩa là trong tha tánh (Y tha tánh) căn cứ ở hạng phi chúng sinh (Thánh) và chúng sinh mà có phân biệt tánh, thành tựu tánh đồng thời có sự không giác ngộ ở đây, và giác ngộ ở kia. Như nói, phân biệt tánh trong Y tha tánh không có, thì có thành tựu tánh hiện hữu, chỉ là lúc không giác ngộ và giác ngộ được chuyển. Cho nên hai sự có và không đồng thời là vậy. Lược nói về hai mặt có và không là như vậy.

Giải thích về nghĩa km nghe nói là câu trước đã nói: những câu còn lại biểu hiện sự phân biệt. Hoặc là công đức tăng thượng, hoặc do nghĩa. Công đức tăng thượng là nói công đức của Phật thật là trí tuệ, giác ngộ: hành Bất nhị, pháp vô tướng cứu cánh, sự hiện hành của Phật, đạt được tất cả Phật pháp, đến chỗ không còn ngăn ngại, không có chướng ngại không bị thoái chuyển pháp, sự an trụ không thể nghĩ bàn, thấu suốt ba đời, thân hiện khắp tất cả thế giới; với tất cả pháp, không còn nghi ngại biết tất cả sự thành tựu trí tuệ không nghi ngờ, biết tất cả pháp không có cái biết phân biệt, là trí tuệ được chính thức lãnh thọ của Bồ-tát, hạnh của Phật Bất nhị đạt đến cứu cánh tối thượng, không lìa Như Lai, trí tận giải thoát, đến đến cõi Phật vô biên, thông đạt pháp giới như hư không vô tận.

Câu “thật là trí tuệ giác ngộ nơi Phật” thì các câu còn lại là để giải thích. Như vậy thể của khéo thuyết pháp được thành.

Thật là trí tuệ giác ngộ hoàn thiện, tức bao gồm mười chín thứ

công đức của chư Phật Như Lai:

1. Công đức của sự hoàn toàn không chướng ngại, không vô phân biệt trong trí tuệ.
2. Công đức của pháp thuyết chân như tối thanh tịnh, trong hai tướng có và không.
3. Công đức của việc làm nơi Phật không ngừng nghỉ, một cách tự nhiên (tự tại).
4. Công đức của nghiệp thân tâm trong pháp thân, không vô phân biệt.
5. Công đức của việc đối trị tất cả chướng.
6. Công đức của việc hàng phục hết thủy ngoại đạo.
7. Công đức của việc sống trong Pháp thế gian, mà không nhiễm.
8. Công đức của việc dựng lập chánh pháp.
9. Công đức của việc thọ ký.
10. Công đức của sự thị hiện báo thân, ứng thân, ở hết thủy thế giới.
11. Công đức của sự giải quyết mọi nghi ngờ.
12. Công đức của sự hội nhập các loại hạnh.
13. Công đức của việc sinh pháp trí ở vị lai.
14. Công đức của sự thị hiện tùy tâm tin thuận của đối tượng nghe pháp.
15. Công đức của vô lượng thân giáo hành nghiệp nơi chúng sinh.
16. Công đức của sự thành tựu Ba-la-mật đồng với pháp thân.
17. Công đức của sự thị hiện các thế giới Phật khác nhau tùy sức tìm hiểu.
18. Công đức của ba loại thân Phật thuyết pháp chẳng dứt.
19. Công đức của sự hỗ trợ thành tựu tất cả lạc và vô lượng cho tất cả chúng sinh tận cùng thế gian.

Nhân đây nói, nên do nghĩa tăng thượng như trong kinh đã nói: “Vì Bồ-tát thành tựu ba mươi hai pháp, nên gọi là Bồ-tát giúp cho hỷ lạc trong tâm. 1. Đối với tất cả chúng sinh khiến cho nhập Nhất thiết trí. 2. Diệt trừ ngã mạn xưng là trí của mình. 3. Thâm tâm đôn hậu. 4. Không tạo các tâm ân ái, oán và phi oán. Thân thích vĩnh viễn tận đến khi tất cả đều đạt được Niết-bàn. Lời nói đúng đẹp, ánh mắt tươi vui trước khi ứng đáp. 6. Không làm cho tâm mọi người tuyệt vọng. 7. Các việc đã hứa thì làm không ngừng nghỉ. 8. Ý không chán, mệt. 9.

Nghe nghĩa không chán đủ. 10. Luôn thấy và lo tội lỗi của mình, không nói và thấy người làm lỗi. 11. Tất cả oai nghi đều hành theo tâm nghiệp Bồ-tát. 12. Trong bố thí không cầu báo cho nên không chấp trước tu giới hương tới các coi hữu. 13. Nhẫn nhục, không san giận đối với tất cả chúng sinh. 14. Tự tập tất cả pháp thiện căn để tinh tấn. 15. Là thiện của cõi Vô sắc. 16. Thuận với trí phương tiện. 17. Dùng phương tiện của bốn nhiếp pháp. 18. Không có hai tâm (tâm bình đẳng) đối với Phá giới trì giới. 19. Cần cù nghe diệu pháp. 20. Ủa trụ A-lan-nhã. 21. Không thích các thứ của thế gian. 22. Không mong vui với Tiểu thừa. 23. Đối với Đại thừa thì thấy lợi ích lớn. 24. Xa lìa bạn ác 25. Thân cận bạn lành. 26. Bốn phạm hạnh thanh tịnh. 27. Năm thần thông tự tại vân hạnh. 28. Y theo trí. 29. Không xả bỏ chúng sinh trụ hành hữu lậu hoặc không trụ hành hữu lậu. 30. Lời nói hoàn toàn quyết định. 31. Coi trọng thật ngữ. 32. Tâm Bồ-tát làm đầu”.

Những câu như vậy, phải biết là chi tiết sai biệt trong câu đầu: giúp cho hỷ lạc trong thân tâm. Vì đối với tất cả chúng sinh, giúp cho hỷ lạc trong thân tâm nên có mười sáu hành vi tạo tác sự việc sai biệt. Trong đó mười sáu thứ tác sự là:

1. Hằng chuyển hành động tạo tác.
2. Tạo tác không thoái lui.
3. Không ai khuyên mà tự tạo tác.
4. Tạo tác không sân.
5. Tạo tác không mong cầu báo đáp. Có ba câu không mong cầu báo đáp là có ích, vô ích, không sân và vui thích, cho đến đeo đuổi đời sau, tương tự khẩu nghiệp.
6. Bình đẳng bất nhị hành sự trong khổ lạc có hai câu.
7. Làm việc không khiếm nhược.
8. Làm việc không thoái chuyển
9. Làm việc không nhiếp phương tiện.
10. Làm việc trừ chướng hoặc.
11. Tương tục chẳng đoạn tâm niệm mà tạo tác cho chúng sinh.
12. Làm việc đạt đến mức tốt nhất.
13. Có bảy câu về sáu Ba-la-mật chánh tu hành và giữ lấy hành sự chính yếu.
14. Thành tựu thực hiện sự chính yếu. Có sáu câu: thân cận tri thức, nghe chánh pháp, ưa sống nơi Lan-nhã, xả tâm ác, chánh niệm công đức, thuần thực hai câu công đức trong Đại thừa.
15. Có hai câu làm việc thành tựu. Có ba câu được vô lượng lực

lợi thanh tịnh và chứng đắc công đức.

16. Khiến cho trụ trong việc tạo tác. Có bốn câu, đem nhiều công đức để trừ nghi, truyền dạy thọ tài pháp, nhiếp thủ tâm, tâm không tạp nhiễm. Phải biết các câu như vậy, là giải thích sai biệt cho câu đầu.

Như kinh nói: “Nương vào câu đầu cho nên có những câu sai biệt về công đức, nương vào câu đầu cho nên có những câu sai biệt về nghĩa như vậy đã giải thích xong.

